

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

02 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

04 - 05

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

06 - 07

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

08

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

09

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên
Ông Quách Mạnh Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập

Ban Điều hành

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 01/03/2021)
Ông Travis Richard Stewart	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/03/2021)
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

đính kèm báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS



Nguyễn Ngọc Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Số: 108 -21/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Đầu tư Apex Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Apex Holdings (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2021, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Trần Quốc Tuấn

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2018-034-1



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		268.816.859.277	67.998.536.296
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.521.951.763	517.356.034
1. Tiền	111	V.1.	1.521.951.763	517.356.034
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		267.294.907.514	67.481.180.262
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	4.000.000.000	10.501.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	1.507.109.722	124.240.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	261.787.797.792	58.855.940.262
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(2.000.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.533.631.227.944	1.455.972.887.888
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		645.461.920	825.367.909
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	645.461.920	825.367.909
- Nguyên giá	222		1.139.016.215	1.139.016.215
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(493.554.295)	(313.648.306)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7.	838.998.182	838.998.182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		838.998.182	838.998.182
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	1.528.435.093.842	1.454.195.106.587
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.531.990.439.692	1.471.038.932.350
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		239.100.000	599.100.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.794.445.850)	(17.442.925.763)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.711.674.000	113.415.210
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	3.711.674.000	113.415.210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.802.448.087.221	1.523.971.424.184

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		796.238.063.216	586.110.878.738
I. Nợ ngắn hạn	310		392.765.013.297	482.855.877.127
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	4.373.095.317	2.340.582.937
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.	50.000.000	50.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.	12.454.190.930	2.698.552.883
4. Phải trả người lao động	314		1.595.178.369	499.285.205
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12.	62.192.073.678	4.745.063.767
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	1.234.889.803	98.422.392.335
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.	310.865.585.200	374.100.000.000
II. Nợ dài hạn	330		403.473.049.919	103.255.001.611
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.	403.473.049.919	103.255.001.611
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.006.210.024.005	937.860.545.446
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	1.006.210.024.005	937.860.545.446
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		815.897.350.000	815.897.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		815.897.350.000	815.897.350.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	65.976.720.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		190.312.674.005	55.986.475.446
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		55.986.475.446	2.853.792.912
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		134.326.198.559	53.132.682.534
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.802.448.087.221	1.523.971.424.184

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thị Hải



Nguyễn Mạnh Phú



Nguyễn Ngọc Thủy

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	35.511.176.365	50.882.193.636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		35.511.176.365	50.882.193.636
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	2.304.158.503	3.855.252.408
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		33.207.017.862	47.026.941.228
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	103.588.888.262	42.515.045.905
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	53.313.147.452	20.511.429.806
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		66.385.663.225	12.059.265.562
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	3.664.703.363	12.582.889.739
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		79.818.055.309	56.447.667.588
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.5.	294.049.661	56.043.120
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(294.049.661)	(56.043.120)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		79.524.005.648	56.391.624.468
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	11.174.527.089	3.258.941.934
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		68.349.478.559	53.132.682.534

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thị Hải



Nguyễn Mạnh Phú



Nguyễn Ngọc Thủy

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		79.524.005.648	56.391.624.468
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		179.905.989	159.864.393
Các khoản dự phòng	03		(15.648.479.913)	9.182.332.451
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(56.901.572.544)	(41.343.210.961)
Chi phí lãi vay	06		66.385.663.225	12.059.265.562
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		73.539.522.405	36.449.875.913
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(46.233.027.252)	(45.507.119.997)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(200.898.594.814)	99.234.586.843
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.598.258.790)	(26.358.010)
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.144.157.970)	(9.813.320.427)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.994.122.469)	(6.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(186.328.638.890)	74.137.664.322
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(336.665.306)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20.770.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(75.451.507.342)	(460.262.092.350)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		20.180.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.326.787.344	36.467.581.661
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48.944.719.998)	(413.361.175.995)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	103.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		651.853.000.000	393.628.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(415.575.045.383)	(125.528.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(61.402.958.865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		236.277.954.617	309.697.041.135
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		1.004.595.729	(29.526.470.538)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		517.356.034	30.043.826.572
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	1.521.951.763	517.356.034

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012. Từ ngày 22/12/2016, Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 số 0105824156, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings. Công ty có 11 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 10/06/2020 về việc bổ sung người đại diện theo pháp luật thì vốn điều lệ của Công ty là **815.897.350.000 đồng** (Tám trăm mười lăm tỷ, tám trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) với mã chứng khoán là IBC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn quản lý, đầu tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);

- Đại lý, môi giới, đấu giá (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);

- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: tư vấn du học;

Trụ sở Công ty tại: Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower, Số 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con kiểm soát trực tiếp

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax	Quận Ba Đình, Hà Nội	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	79,69%	79,69%
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	Quận Ba Đình, Hà Nội	Giáo dục mầm non	87,45%	89,97%
Công ty Cổ phần English Now Global	Quận Đống Đa, Hà Nội	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	51%	51%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty Cổ phần Trường liên cấp Fbank Australia	Quận Đống Đa, Hà Nội	Giáo dục tiểu học	51%	51%
--	-------------------------	-------------------	-----	-----

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại thuyết minh số I.5) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

2. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được đúng hạn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các chi phí triển khai hệ thống phần mềm FSOFIT, chi phí xây dựng Website Haravan được ghi nhận theo giá gốc, căn cứ trên Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí lãi vay và các khoản trích trước khác. Khoản trích trước chi phí lãi vay được căn cứ theo hợp đồng vay quy định trả lãi vay xong thực tế chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí của kỳ báo cáo. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu phát hành

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường. Công ty phát hành trái phiếu cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.

- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi (hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ việc giới thiệu khách hàng, tư vấn doanh nghiệp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, toàn bộ là chi phí lãi vay.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

16.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với thuế suất thuế GTGT 10% đối với hoạt động cung cấp dịch vụ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động kinh doanh thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	299.466.495	175.029.462
Tiền gửi ngân hàng	1.099.758.389	223.432.253
Tiền gửi tại tài khoản của Công ty chứng khoán	122.726.879	118.894.319
Cộng	1.521.951.763	517.356.034

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Dài hạn	31/12/2020		01/01/2020		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con	1.531.990.439.692	(3.669.345.850)	1.528.321.093.842	1.471.038.932.350	1.453.721.106.587
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (1)	1.280.576.840.000	-	1.280.576.840.000	1.280.576.840.000	1.280.576.840.000
Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten (2)	174.900.000.000	-	174.900.000.000	168.500.000.000	152.768.430.289
Công ty Cổ phần English Now Global (3)	25.500.000.000	(3.228.042.467)	22.271.957.533	21.158.492.658	19.702.482.972
Công ty CP Trường liên cấp Firbank Australia (4)	51.013.599.692	(441.303.383)	50.572.296.309	803.599.692	673.353.326
Đầu tư vào đơn vị khác	239.100.000	(125.100.000)	114.000.000	599.100.000	474.000.000
Công ty Cổ phần May Nam Định	-	-	-	360.000.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng X18	125.100.000	(125.100.000)	-	125.100.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	114.000.000	114.000.000	114.000.000
Cộng	1.532.229.539.692	(3.794.445.850)	1.528.435.093.842	1.471.638.032.350	1.454.195.106.587

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

(1) Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax tập trung chủ yếu là hoạt động đào tạo tiếng Anh tại các trung tâm Anh ngữ Apax trên toàn quốc.

(2) Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten tập trung chủ yếu là hoạt động giáo dục mầm non tại các trường mầm non. Trong năm, Công ty thực hiện góp bổ sung vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten theo Nghị quyết số 2705/2020/NQ-HĐQT ngày 27/05/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về việc mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten.

(3) Công ty Cổ phần English Now Global tập trung chủ yếu là tập trung chủ yếu là hoạt động đào tạo tiếng Anh. Trong năm, Công ty đã thực hiện góp bổ sung 14.500.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần English Now Global theo Nghị quyết số 3103/2020/NQ-HĐQT ngày 31/03/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về phê duyệt việc tăng vốn góp tại Công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Cũng trong năm tài chính 2020, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng một phần vốn góp tại của Công ty tại Công ty Cổ phần English Now Global cho Công ty TNHH Thương mại Vận tải Schoolbus theo Nghị quyết số 29/12/2020/NQ-HĐQT ngày 29/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về phê duyệt việc bán phần vốn góp tại Công ty con và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 31.12/2020/HĐCN-English Now ngày 31/12/2020.

(4) Công ty Cổ phần Trường Liên cấp Firbank Australia tập trung chủ yếu là hoạt động xây dựng cơ bản để thành lập trường, hoạt động kinh doanh của công ty con chưa phát sinh doanh thu. Trong năm, Công ty tiếp tục góp bổ sung một phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia theo cam kết góp vốn khi thành lập Công ty con này năm 2019. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia vẫn chưa được góp đủ vốn điều lệ.

3. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty CP Chứng khoán Dầu khí	4.000.000.000	-	4.000.000.000	(2.000.000.000)
Công ty CP Đầu tư An toàn Safeinvest	-	-	6.501.000.000	-
Cộng	4.000.000.000	-	10.501.000.000	(2.000.000.000)

4. Trả trước cho người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vicad tư vấn đầu tư và thiết kế	827.616.995	-	-	-
Công ty TNHH Kiến tạo và Kiệt tác	100.000.000	-	100.000.000	-
Firbank Grammar School	471.583.227	-	-	-
Các đối tượng khác	107.909.500	-	24.240.000	-
Cộng	1.507.109.722	-	124.240.000	-

5. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Phải thu khác	98.268.800.292	-	7.319.231.751	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	-	-	6.325.914.800	-
Công ty Cổ phần English Now Global	862.352.542	-	859.702.542	-
Công ty CP Trường liên cấp Firbank Australia	133.614.409	-	133.614.409	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyễn Ngọc Thùy (1)	45.692.133.341	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải ShoolBus (2)	51.580.700.000	-	-	-
Tạm ứng	-	-	8.621.708.511	-
Mai Thị Trà My	-	-	8.584.402.400	-
Các đối tượng khác	-	-	37.306.111	-
Ký quỹ, ký cược	163.518.997.500	-	42.915.000.000	-
Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam (3)	42.330.000.000	-	42.330.000.000	-
Nguyễn Ngọc Thùy (4)	121.183.997.500	-	-	-
Các đối tượng khác	5.000.000	-	585.000.000	-
Cộng	261.787.797.792	-	58.855.940.262	-

(1) Là khoản lãi đặt cọc do vi phạm thỏa thuận quy định theo thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax ngày 02/01/2020.

(2) Là khoản phải thu Công ty TNHH Thương mại Vận tải SchoolBus theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 31.12/2020/HĐCN-English Now ngày 31/12/2020 về việc Công ty CP Đầu tư Apax Holdings bán một phần vốn chủ sở hữu tại Công ty CP English Now Global.

(3) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam theo Thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTHT/TG-APAX ngày 10/06/2019 về việc nhận chuyển nhượng “phần dự án trường học” trên khu đất thực hiện dự án: Tổ hợp công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ, văn phòng, nhà ở, nhà trẻ và trường học tại số 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy. Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 07/2021/TTSDBS/TG-APAX ngày 09/03/2021, trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ký thỏa thuận, Apax thông báo cho Terra Gold để thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng phần dự án Trường học.

(4) Là khoản Công ty đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax do ông Nguyễn Ngọc Thùy sở hữu theo thỏa thuận đặt cọc ngày 02/01/2020.

b) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

6. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		Cộng
	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2020	802.350.909	336.665.306	1.139.016.215
Số dư ngày 31/12/2020	802.350.909	336.665.306	1.139.016.215
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2020	234.019.000	79.629.306	313.648.306
Khấu hao trong năm	80.235.084	99.670.905	179.905.989
Số dư ngày 31/12/2020	314.254.084	179.300.211	493.554.295
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	568.331.909	257.036.000	825.367.909
Tại ngày 31/12/2020	488.096.825	157.365.095	645.461.920

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Tài sản dở dang dài hạn

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Triển khai hệ thống phần mềm quản lý FSOFT	838.998.182	838.998.182
Cộng	838.998.182	838.998.182

8. Chi phí trả trước

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Dài hạn</i>		
Phí tư vấn tài chính	1.258.862.000	-
Chi phí môi giới trái phiếu	1.935.185.185	-
Chi phí phát hành trái phiếu	458.333.333	-
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	59.293.482	113.415.210
Cộng	3.711.674.000	113.415.210

9. Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>				
Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội	-	-	793.723.700	793.723.700
Công ty CP Quản lý tài sản Dzambala	1.302.917.400	1.302.917.400	1.302.917.400	1.302.917.400
Công ty TNHH KPMG	1.384.748.200	1.384.748.200	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư EduLand	1.294.529.000	1.294.529.000	-	-
Các đối tượng khác	390.900.717	390.900.717	243.941.837	243.941.837
Cộng	4.373.095.317	4.373.095.317	2.340.582.937	2.340.582.937

10. Người mua trả tiền trước

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lải	50.000.000	50.000.000
Cộng	50.000.000	50.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2020
Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	460.884.695	3.138.666.607	2.980.766.288	618.785.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.994.122.469	11.174.527.089	1.994.122.469	11.174.527.089
Thuế thu nhập cá nhân	243.545.719	601.599.409	456.336.230	388.808.898
Các loại thuế khác	-	62.828.565	62.828.565	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	281.148.062	9.078.133	272.069.929
Cộng	2.698.552.883	15.258.769.732	5.503.131.685	12.454.190.930

12. Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí lương, thưởng	-	1.394.305.757
Lãi trái phiếu	3.584.452.055	299.178.082
Trích trước chi phí lãi tiền vay	58.602.621.623	2.646.390.341
Chi phí phải trả khác	5.000.000	405.189.587
Cộng	62.192.073.678	4.745.063.767

13. Phải trả khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn		
Nguyễn Ngọc Thủy (*)	-	97.800.000.000
BHXH quận Đống Đa	184.737.557	33.351.200
Cổ tức phải trả	589.041.135	589.041.135
Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten	150.000.000	-
Các đối tượng khác	311.111.111	-
Cộng	1.234.889.803	98.422.392.335

(*) Khoản phải trả theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax, Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện đầu tư mua thêm cổ phần từ cổ đông nội bộ để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax theo Biên bản họp số 2912/2019/BB-HĐQT ngày 29/12/2019 và Nghị quyết số 2912/2019/NQ-HĐQT ngày 29/12/2019 của Hội đồng quản trị. Theo đó, Công ty đã thực hiện mua cổ phần từ Ông Nguyễn Ngọc Thủy - Cổ đông của Công ty với số lượng cổ phần là 6.600.000 cổ phần, giá chuyển nhượng là 53.000 VND/cổ phần theo kết quả định giá của Công ty TNHH PwC Việt Nam, nâng tỷ lệ sở hữu Công ty từ 68,91% lên 79,69%.

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020		Trong kỳ		01/01/2020		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	310.865.585.200	310.865.585.200	352.340.630.583	415.575.045.383	374.100.000.000	374.100.000.000	
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (1)	301.714.085.200	301.714.085.200	350.880.000.000	398.765.914.800	349.600.000.000	349.600.000.000	
Trương Thị Tâm (2)	9.151.500.000	9.151.500.000	1.460.630.583	16.809.130.583	24.500.000.000	24.500.000.000	
b) Vay dài hạn	403.473.049.919	403.473.049.919	300.218.048.308	-	103.255.001.611	103.255.001.611	
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (3)	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	
Trái phiếu chuyển đổi (4)	103.473.049.919	103.473.049.919	218.048.308	-	103.255.001.611	103.255.001.611	
Cộng	714.338.635.119	714.338.635.119	652.558.678.891	415.575.045.383	477.355.001.611	477.355.001.611	

(1) Hợp đồng cho vay số 31.12/2020/HĐVV/AE-AH ngày 31/12/2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings, ngày đáo hạn là 31/12/2021. Tổng hạn mức vay 301.714.085.200 VND với lãi suất 8,5%/năm, số tiền vay và lãi vay được thanh toán theo thỏa thuận của các bên, mục đích vay là phục vụ hoạt động kinh doanh.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 01.12/2020/HĐVT/TTAM-APAX HOLDINGS ngày 01/12/2020 với số tiền cho vay là 9.151.500.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 01/12/2020 đến ngày 28/05/2021, lãi suất là 12%/365 ngày.

(3) Theo Biên bản họp HĐQT số 1409/2020/BB-HĐQT ngày 14/09/2020, Nghị quyết hội đồng quản trị số 1709/2020/NQ-HĐQT ngày 17/09/2020 phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, Tổng giá trị trái phiếu phát hành 300 trái phiếu; Ngày phát hành ngày 01/10/2020 và ngày kết thúc đợt phát hành ngày 21/12/2020. Đây là loại trái phiếu kỳ hạn 3 năm, trả lãi 6 tháng/lần với lãi suất cố định 12,5%/năm. Theo quy định, trái chủ được quyền yêu cầu Apax Holdings mua lại tối đa 50% trái phiếu sau 12 tháng và 100% sau 24 tháng kể từ ngày phát hành. Khi đó, trái phiếu sẽ được hưởng lãi suất cố định tương ứng là 10,5%/năm và 11,5%/năm. Ngược lại, trong điều kiện Apax Holdings có nhu cầu mua lại trái phiếu trước hạn kể từ 24 tháng đến dưới 36 tháng thì lãi suất sẽ là 12,5% với tối đa 100% tổng số lượng trái phiếu mà trái chủ sở hữu tại thời điểm đề nghị mua lại.

- Lãi suất doanh nghĩa và kỳ hạn trả lãi:

+ Lãi suất danh nghĩa bằng VND: Trái phiếu có lãi suất cố định

+ Kỳ hạn trả lãi: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ 6 tháng một lần.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mỗi trái phiếu sẽ được tính lãi kể từ và bao gồm ngày phát hành hoặc ngày tổ chức phát hành thực tế nhận số tiền đặt mua đối với trái phiếu đó, tùy ngày nào đến sau cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán/hoàn trả gốc trái phiếu.

- Lãi suất phát hành thực tế: Trái phiếu có lãi cố định 12,5%/năm.

- Hình thức đảm bảo khoản vay:

Đại lý quản lý tài sản đảm bảo: Công ty CP Chứng khoán An Bình.

- Hình Thức đảm bảo: Trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản.

- Tài sản bảo đảm: Nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi Trái phiếu, lãi chậm trả Trái phiếu và các nghĩa vụ thanh toán khác của tổ chức phát hành đối với và liên quan đến trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản tương ứng với 125% Tổng giá trị Trái phiếu lưu hành theo mệnh giá. Từ ngày phát hành cho đến ngày báo cáo kết quả phát hành, tài sản bảo đảm là 7.500.000 cổ phần Công ty CP Anh ngữ Apax thuộc sở hữu của Tổ chức phát hành và các quyền, lợi ích phát sinh từ/có liên quan đến số cổ phiếu này kể từ ngày thế chấp. Số lượng cổ phần thế chấp ban đầu có thể được điều chỉnh tùy nhiên phải đảm bảo tổng giá trị cổ phần thế chấp ban đầu sau khi kết thúc đợt phát hành không thấp hơn 125% Tổng giá trị Trái phiếu lưu hành theo mệnh giá.

(4) Ngày 21/06/2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ lần 1 với giá trị 207 tỷ VND trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và lãi suất phát hành 5%/năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-DHĐCD ngày 09/04/2018. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Trái chủ có quyền thực hiện chuyển đổi hoặc không chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ khối lượng trái phiếu đang nắm giữ. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

Phương thức tính giá chuyển đổi như sau: giá thực hiện chuyển đổi sẽ được xác định theo công thức sau nhưng không cao hơn giá tham khảo và không thấp hơn giá điều chỉnh:

- Giá tham khảo: giá bình quân của: 1 tháng giao dịch + 1 tuần giao dịch + 1 ngày giao dịch (được xác định trước bằng văn bản) chia cho 3;
- Giá điều chỉnh: 70% của giá tham khảo;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức giá chuyển đổi cụ thể tại thời điểm chuyển đổi theo tiêu chí giá tham khảo và giá điều chỉnh như đã nêu trên.

Do trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi sẽ được sử dụng như sau:

- Giải ngân số tiền 188.785.840.000 đồng để mua 18.878.584 cổ phiếu Apax English, nâng tổng số cổ phiếu Công ty sở hữu tại Apax English lên 42.169.384 cổ phiếu;



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

- Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings số tiền: 18.214.160.000 đồng.

Chi phí phát hành trái phiếu là 2.170.000.000 đồng, chi phí này được phân bổ đều vào chi phí hàng năm với thời hạn 05 năm.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2018 thông qua phương án Phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ I năm 2019 số 0609/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 09 năm 2019 thông qua việc thay đổi cách tính giá chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; Nghị quyết số 210/2019/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ, đã thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ như sau:

Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi:	103 trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi:	103.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)
Tỷ lệ chuyển đổi:	1: 49.835,54 (Một trái phiếu được chuyển đổi thành 49.835,54 cổ phiếu). Nguyên tác làm tròn số cổ phiếu được chuyển đổi: theo nguyên tắc làm tròn xuống. Cổ phiếu là phát sinh do làm tròn xuống sẽ bị hủy.
Ngày chuyển đổi:	02/10/2019
Ngày chốt danh sách trái chủ để chuyển đổi:	27/09/2019
Ngày chốt danh sách để trả lãi trái phiếu (gần nhất):	11/09/2019
Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi:	5.133.059 cổ phiếu

Chuyển đổi 103 trái phiếu (giá trị trái phiếu là 103 tỷ đồng) thành 5.133.059 cổ phiếu với giá chuyển đổi 20.066 đồng. Tại ngày 11/10/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ thành cổ phiếu theo văn bản số 6152/UBCK-QLCB.

c) Thuyết minh chi tiết về nợ thuê tài chính với các bên liên quan : Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	688.800.000.000	65.976.720.000	64.845.792.912	819.622.512.912
Tăng vốn trong năm trước	127.097.350.000	-	-	127.097.350.000
Lãi trong năm trước	-	-	53.132.682.534	53.132.682.534
Phân phối lợi nhuận	-	-	(61.992.000.000)	(61.992.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2019	815.897.350.000	65.976.720.000	55.986.475.446	937.860.545.446
Lãi trong năm nay	-	-	68.349.478.559	68.349.478.559
Tăng khác (*)	-	-	65.976.720.000	65.976.720.000
Giảm khác (*)	-	(65.976.720.000)	-	(65.976.720.000)
Số dư tại ngày 31/12/2020	815.897.350.000	-	190.312.674.005	1.006.210.024.005

(*) Kết chuyển thặng dư vốn cổ phần sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 3006/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	502.829.990.000	543.899.990.000
Các đối tượng khác	313.067.360.000	271.997.360.000
Cộng	815.897.350.000	815.897.350.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	815.897.350.000	688.800.000.000
Vốn góp đầu năm	815.897.350.000	688.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	75.766.760.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	815.897.350.000	764.566.760.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	61.992.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	81.589.735	81.589.735
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	81.589.735	81.589.735
- Cổ phiếu phổ thông	81.589.735	81.589.735
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.589.735	81.589.735
- Cổ phiếu phổ thông	81.589.735	81.589.735
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	-	152.127.272
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.511.176.365	50.730.066.364
Cộng	35.511.176.365	50.882.193.636

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán hàng hóa	-	152.127.272
Giá vốn cung cấp dịch vụ (*)	2.304.158.503	3.703.125.136
Cộng	2.304.158.503	3.855.252.408

(*) Giá vốn cung cấp dịch vụ là các chi phí phục vụ cho các hoạt động theo các hợp đồng về dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng. Giá vốn được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương bộ phận văn phòng theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	872.544	2.418.131.105
Lãi khoản đặt cọc với ông Nguyễn Ngọc Thùy	45.729.941.560	-
Lãi từ khoản tạm ứng cho nhân viên	777.374.158	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	40.096.914.800
Lãi bán các khoản đầu tư	57.080.700.000	-
Cộng	103.588.888.262	42.515.045.905

4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	61.299.590.166	12.059.265.562
Lỗ bán khoản đầu tư	180.000.000	-
Lãi trái phiếu phát hành	5.086.073.059	-
Chi phí phát hành trái phiếu	229.900.160	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(13.648.479.913)	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	7.182.332.451
Chi phí tài chính khác	166.063.980	1.269.831.793
Cộng	53.313.147.452	20.511.429.806

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền phạt thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	294.044.985	56.043.120
Chi phí khác	4.676	-
Cộng	294.049.661	56.043.120

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<i>5.664.703.363</i>	<i>12.582.889.739</i>
Chi phí nhân viên quản lý	1.909.078.099	5.461.274.253
Chi phí đồ dùng văn phòng	59.749.001	648.581.994
Chi phí khấu hao tài sản cố định	179.905.989	159.864.393
Thuế, phí và lệ phí	74.027.865	483.958.017
Chi phí dự phòng	-	2.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.412.311.062	3.111.641.296
Chi phí bằng tiền khác	29.631.347	717.569.786
<i>b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>(2.000.000.000)</i>	<i>-</i>
Hoàn nhập dự phòng phải thu	(2.000.000.000)	-
Cộng	3.664.703.363	12.582.889.739

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.213.236.602	9.164.399.389
Chi phí khấu hao tài sản cố định	179.905.989	159.864.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.412.311.062	3.111.641.296
Chi phí khác bằng tiền	163.408.213	1.850.109.797
Cộng	7.968.861.866	14.286.014.875

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	79.524.005.648	56.391.624.468
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	40.096.914.800
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	294.044.985	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	79.818.050.633	16.294.709.668
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường năm hiện hành	15.963.610.127	3.258.941.934
Chi phí thuế TNDN được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	4.789.083.038	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.174.527.089	3.258.941.934

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí phát hành trái phiếu	218.048.308	-
Lãi vay nhập gốc	487.630.583	-

2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	651.853.000.000	393.628.000.000
Cộng	651.853.000.000	393.628.000.000

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	415.575.045.383	125.528.000.000
Cộng	415.575.045.383	125.528.000.000

VIII Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 0103/2021/NQ-HĐQT ngày 01/03/2021 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt đơn từ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của bà Vũ Cẩm La Hương, Hội đồng quản trị đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và miễn nhiệm chức danh Đại diện phần vốn góp tại các Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings đối với bà Vũ Cẩm La Hương. Đồng thời, Hội đồng quản trị phê duyệt việc bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Travis Richard Stewart kể từ ngày 01/03/2021.

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Ông Nguyễn Ngọc Thùy
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGSĐịa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty Cổ phần English Now Global	Công ty con
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten	Công ty con

*) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vay	350.880.000.000	349.600.000.000
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	350.880.000.000	349.600.000.000
Trả khoản vay	398.765.914.800	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	398.765.914.800	3.000.000.000
Đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	121.183.997.500	-
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	121.183.997.500	-
Lãi đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	45.729.941.560	-
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	45.729.941.560	-
Lãi vay phát sinh	55.966.927.517	2.506.967.125
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	55.966.927.517	2.506.967.125

*) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khác	46.688.100.292	7.319.231.751
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	-	6.325.914.800
Công ty Cổ phần English Now Global	862.352.542	859.702.542
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	133.614.409	133.614.409
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	45.692.133.341	-
Ký quỹ, ký cược	121.183.997.500	-
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	121.183.997.500	-
Phải trả khác	150.000.000	97.800.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	-	97.800.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten	150.000.000	-
Vay	301.714.085.200	349.600.000.000
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	301.714.085.200	349.600.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	58.473.894.642	2.506.967.125
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	58.473.894.642	2.506.967.125

*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

Họ tên	Chức danh	Năm 2020
		VND
Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc	1.745.438.772
Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng giám đốc	783.380.346
Cộng		2.528.819.118

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công cụ tài chính	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản vay	714.338.635.119	477.355.001.611
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.521.951.763	517.356.034
Nợ thuần	712.816.683.356	476.837.645.577
Vốn chủ sở hữu	1.006.210.024.005	937.860.545.446

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.521.951.763	517.356.034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	265.787.797.792	67.356.940.262
Các khoản đầu tư tài chính	114.000.000	474.000.000
Cộng	267.423.749.555	68.348.296.296
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	714.338.635.119	477.355.001.611
Phải trả người bán và phải trả khác	5.607.985.120	100.762.975.272
Chi phí phải trả	62.192.073.678	4.745.063.767
Cộng	782.138.693.917	582.863.040.650

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	5.607.985.120	-	5.607.985.120
Chi phí phải trả	62.192.073.678	-	62.192.073.678
Các khoản vay	310.865.585.200	403.473.049.919	714.338.635.119
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	100.762.975.272	-	100.762.975.272
Chi phí phải trả	4.745.063.767	-	4.745.063.767
Các khoản vay	374.100.000.000	103.255.001.611	477.355.001.611

Ban Điều hành đã đánh giá rủi ro thanh khoản, và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.521.951.763	-	1.521.951.763
Phải thu khách hàng và phải thu khác	265.787.797.792	-	265.787.797.792
Các khoản đầu tư tài chính	-	114.000.000	114.000.000
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	517.356.034	-	517.356.034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.356.940.262	-	67.356.940.262
Các khoản đầu tư tài chính	-	474.000.000	474.000.000

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy